TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST
Ngày 02-4-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lợi

Ông Đỗ Văn Thư

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Đỗ Thị Tình - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:*** Bà Đỗ Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019 về việc " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Trần Thế A; địa chỉ: Thôn V, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị T; địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình tố tụng nguyên đơn là anh Trần Thế A trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở hai bên đều tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vào năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại gia đình anh ở thôn V, xã A, huyện

An Dương, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm bất hòa căng thẳng, không có hạnh phúc. Bản thân anh đã tìm nhiều cách khắc phục mâu thuẫn nhưng không được mà lại càng căng thẳng, nghiêm trọng hơn. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình giúp đỡ hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên anh và chị T đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, không còn quan tâm và trách nhiệm với nhau nữa. Do tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống đoàn tụ với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không có hạnh phúc nên anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị T có 02 con chung là Trần Thanh T, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2013 và Trần Minh T, sinh ngày 18 tháng 11 năm 2015. Hiện tại anh đang nuôi con Trần Thanh T còn chị T nuôi con chung Trần Minh Tú. Ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cho anh và chị T mỗi người nuôi dưỡng một con chung sau ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi con chung Trần Thanh T còn để chị T nuôi con chung Trần Thanh T. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh và chị T tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị Nguyễn Thị T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa, tại biên bản lấy lời khai chị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T có quan điểm việc anh Trần Thế A xin ly hôn với chị, chị không có ý kiến gì vì chị không còn tình cảm vợ chồng với anh Trần Thế A. Mâu thuẫn vợ chồng là do anh Thế A có người phụ nữ khác nên chị và anh Thế A đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, mỗi người một nơi không còn quan tâm đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã không thể khắc phục đoàn tụ. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh Thế A.

Về con chung: Chị và anh Trần Thế A có hai con chung Trần Thanh T, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2013 và Trần Minh T, sinh ngày 18 tháng 11 năm 2015. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con chung Trần Minh T cho chị nuôi dưỡng còn để anh Thế A nuôi con chung Trần Minh T, về cấp dưỡng nuôi con chung chị và anh Thế A sẽ tự giải quyết với nhau.

Về tài sản chung: Chị và anh Trần Thế A không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định

về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã vi phạm các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự: Vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử : Căn cứ vào các điều 28, 70, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật Dân sự: Xử cho anh Trần Thế A được ly hôn chị Nguyễn Thị T. Về con chung: Giao con chung Trần Thanh T, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2013 cho anh Trần Thế A nuôi dưỡng, giao con chung Trần Minh T, sinh ngày 18 tháng 11 năm 2015 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Về cấp dưỡng: Không xem xét giải quyết. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi nếu không có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Anh Trần Thế A phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Xét việc vắng mặt của bị đơn chị Nguyễn Thị T: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành các trình tự giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Toà án giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết đinh hoãn phiên tòa cho chị Nguyễn Thị T theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên chị T vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần hai không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị T.

- Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Toà án thu thập đã có đủ cơ sở xác định lời khai của anh Trần Thế A và chị Nguyễn Thị T về quá trình chung sống giữa hai bên là đúng sự thật. Mâu thuẫn vợ chồng được thể hiện ở việc trong quá trình chung sống hai bên va chạm, bất hòa, không có hạnh phúc và hai bên đã sống ly thân, không còn quan tâm và trách nhiệm đến nhau nữa. Nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, không tin tưởng nhau trong cuộc sống. Mâu thuẫn của hai bên đã được gia đình can thiệp giúp đỡ nhưng không khắc phục được. Quá trình giải quyết vụ án, anh Thế A và chị T đều xác định hai bên không còn tình cảm vợ chồng và đều có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho hai bên được ly hôn.

Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa anh Trần Thế A và chị Nguyễn Thị T đã kéo dài và trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, sống ly thân nhiều năm nay, tình cảm vợ chồng không còn, do đó yêu cầu xin ly hôn của anh Thế A đối với chị T là có cơ sở, cần được chấp nhận để giải phóng cho hai bên

khỏi sự ràng buộc bởi quan hệ hôn nhân. Căn cứ vào các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho anh Trần Thế A được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

[3] Về con chung: Anh Trần Thế A và chị Nguyễn Thị T có hai con chung Trần Thanh T, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2013 và Trần Minh T, sinh ngày 18 tháng 11 năm 2015. Quá trình giải quyết vụ án, Anh Thế A và chị T đều có quan điểm thống nhất đề nghị Tòa án giao con chung Trần Thanh T cho anh Thế A nuôi dưỡng, chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Minh T sau ly hôn. Việc nuôi dưỡng con chung là quyền đồng thời là nghĩa vụ của cha mẹ. Căn cứ vào các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, điều kiện nuôi dưỡng con chung, quan điểm của các đương sự. Giao con chung Trần Thanh T cho anh Trần Thế A nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Minh T sau ly hôn cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con anh Trần Thế A và chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh Trần Thế A và chị Nguyễn Thị T đều có quan điểm không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, sau này hai bên có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Anh Trần Thế A phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

[6] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Anh Trần Thế A và chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các điều 70, 143, 147, khoản 1 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ vào Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Thế A được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Thanh T, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2013 cho anh Trần Thế A nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Minh T, sinh ngày 18 tháng 11 năm 2015 sau ly hôn cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trần Thế A và chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về án phí: Anh Trần Thế A phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004040 ngày 08 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Anh Trần Thế A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Thế A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xa A (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lợi **Nguyễn Duy Tuân** **Nguyễn Thị Thu Hương**

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND phường An Dương (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Hương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Tuân **Nguyễn Thị Lợi** **Trương Minh Huế**

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
-Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
-UBND xã Đồng Thái,An Dương, HP;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Minh Huế

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Tuân **Nguyễn Thị Lợi** **Trương Minh Huế**

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
-Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND TT An Dương, An Dương, HP (nơi đăng ký kết hôn);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; Lưu HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trương Minh Huế